

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**
Bản án số: 40/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27-8-2018
V/v tranh chấp ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Dũ.

2. Bà Trần Thị Liễu.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 27 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2018/TLST-HN ngày 18 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2018/QĐXXST-HN ngày 06 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2018/QĐST-HN ngày 17 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thị G**, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Ấp A, xã TL, huyện TP, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* **Dương Hoàng N**, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Ấp A1, xã TL1, huyện TP, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 5 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Thị G trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Dương Hoàng N chung sống với nhau từ năm 1989 có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã TL1, huyện TP cấp giấy chứng nhận kết hôn số 31 vào sổ quyển số 02/2004KH ngày 27-7-2004. Vợ

chồng sống chung hạnh phúc được thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn cự cãi nhau do anh N thường xuyên nhậu về chửi vợ con nên vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2014, vợ chồng sống chung nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau đến đầu năm 2018 thì anh N xua đuổi nên chị đã ra ngoài thuê trọ sống cho đến nay. Nay chị xin ly hôn với anh N.

Về con chung: Quá trình sống chung có 02 con chung gồm Dương Hoàng G1, sinh ngày 17-3-1994 và Dương Hoàng S, sinh ngày 30-11-1996. Hiện nay các con đã thành niên đủ khả năng lao động nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

***Đối với bị đơn Dương Hoàng N:** Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, đơn kiện và tài liệu chứng cứ kèm theo đơn, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn Dương Hoàng N không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị G và không tham gia giải quyết vụ án tại Tòa.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị G vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị G tranh chấp ly hôn với bị đơn anh Dương Hoàng N có nơi cư trú tại ấp A1, xã TL1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Dương Hoàng N được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị G và anh Dương Hoàng N sống chung có đăng ký kết hôn năm 2004, quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh N là hôn nhân hợp pháp. Xét quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh N sống chung không hạnh phúc thường xuyên mâu thuẫn cự cãi nhau bất hòa về tình cảm nên vợ chồng đã ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh N không đến tham dự và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị G. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị G.

[4] Về nuôi con chung: Các con chung của chị Nguyễn Thị G và anh Dương Hoàng N đã thành niên, các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải chịu án phí HNST theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39.
Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị G và anh Dương Hoàng N.

2. Về nuôi con chung: Không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí HNST được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 19276 ngày 18-5-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Chị G đã nộp đủ án phí HNST.

5. Quyền kháng cáo: Chị G có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- UBND xã TL1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Thuyền

